

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/DS-ST
Ngày: 25/7/2024
V/v: “*Tranh chấp hợp vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Thành
Ông Đỗ Văn Kha

-Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thuỷ A -Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 211/2023/TLST-DS ngày 08/11/2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-DS ngày 05/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-DS ngày 25/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khu phố Phú Xuân, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Ủy quyền cho ông Bùi Gia N, sinh năm 1976; Địa chỉ: 79 Đặng Thai Mai, phường Tân Phú, Đồng Xoài, Bình Phước (Địa chỉ cũ: 455 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước).

- Bị đơn: 1. Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1986
2. Ông Nguyễn Phùng H, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: khu phố 2, P. Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 2000 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 3, xã Đồng Tiền, Đồng Phú, Bình Phước.

3. Bà Lê Thị A, sinh năm 1969 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Tiên Thành, Đồng Xoài, Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2023 của bà Phạm Thị Thuý và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của bà Thuý là ông Bùi Gia trình bày:

Bà T và vợ chồng ông H, bà Đ là chỗ quen biết do trước đây bà Đ làm kế toán cho bà T trong một Công ty. Do chỗ quen biết nên vợ chồng bà Đ có vay của bà T số tiền như sau:

Đầu tháng 10/2022, bà Đ ông H đầu tư quán cà phê Mộc Trà - Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước nên ngày 23/10/2022 (*trong đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2023 là ghi nhầm*) có vay bà T số tiền 01 tỷ đồng, thời hạn vay 01 tháng, không lãi suất và thế chấp 01 bản chính GCNQSDĐ đứng tên bà Đ với thửa đất ở phường Tiên Thành, thành phố Đồng Xoài. Mục đích vay để vợ chồng ông H đầu tư kinh doanh quán cà phê Mộc Trà. Số tiền 1 tỷ đồng này là bà T vay của bà D (em dâu bà T).

Ngày 31/10/2022, bà Đ đến nhà bà T nói cần thế chấp cuốn sổ cho Ngân hàng để vay tiền trả bà T nên bà T đã tin tưởng trả bản chính sổ đỏ nêu trên cho bà Đ.

Sau khi nhận lại bản chính sổ đỏ và đến hạn trả nợ thì vợ chồng bà Đ không trả tiền nào cho bà T. Đến ngày 07/11/2022 vợ chồng bà Đ ông H lại tiếp tục vay bà T 1,3 tỷ đồng, thời hạn vay 07 ngày và cam kết với bà T vào ngày 15/11/2022 sẽ trả hết 02 lần vay là 2,3 tỷ đồng. Đồng thời lần vay này bà Đ ông H thế chấp bản chính GCNQSDĐ số CX 847788, số vào sổ CS 08273, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 29/12/2020 (thay đổi pháp lý trang 3 ngày 09/7/2021 đứng tên bà Lê Thị A) với thửa đất số 786, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.257,4m² tọa lạc tại ấp 3, xã Tiên Thành (nay là khu phố 3, phường Tiên Thành). Bà T hỏi sao lại thế chấp GCN đứng tên bà A thì được vợ chồng bà Đ nói đã mua thửa đất này của bà A (mua trước khi vay 1,3 tỷ đồng của bà T) nhưng chưa làm thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng và chưa sang tên. Tin tưởng là vậy nên bà T tiếp tục cho vợ chồng họ vay. Nguồn tiền bà T cho vay lần này cũng là tiền vay của bà D.

Ngày 06/12/2022, do vợ chồng bà Đ ông H nợ tiền người khác nhưng không có tiền trả thì vợ chồng họ vay tiếp bà T 43.000.000 đồng để trả nợ cho người khác. Thương tình nên bà T cho vợ chồng họ vay và chuyển khoản vào số tài khoản 3334566666 tại ACB (đứng tên bà Đ), thời hạn vay 01 tuần, không lãi suất. Đến ngày 29/12/2022 (*đơn khởi kiện ghi ngày 29/12/2023 là ghi nhầm*) là ngày gần tết nguyên đán năm 2023 thì bà Đ trả cho bà T được 3.000.000 đồng. Còn nợ 40.000.000 đồng.

Đến hạn trả nợ của cả 03 lần vay trên thì vợ chồng bà Đ ông H không trả cho bà T được đồng nào. Đến ngày 14/12/2022 (*đơn khởi kiện ghi ngày 14/12/2023 là ghi nhầm*), vợ chồng ông H bà Đ tiếp tục vay bà T 500 triệu đồng, thời hạn vay 02 tháng, không lãi suất và tiếp tục thế chấp thửa đất theo bản chính GCNQSDĐ nêu trên.

Tổng số tiền mà vợ chồng ông H bà Đ vay của bà T từ ngày 23/10/2022 đến ngày 14/12/2022 là 2.840.000.000. Riêng số tiền 2.800.000.000 đồng được viết vào 01 tờ giấy vay tiền đề ngày 14/12/2022 (*trong số tiền 2,8 tỷ đồng cho vay thì có 2,3 tỷ đồng là của bà D; có 540.000.000 đồng là của bà T; giấy vay tiền của các lần trước đó đã được bà Đ thu giữ và hủy bỏ*), thời hạn trả ngày 14/02/2023. Còn số tiền 40.000.000 đồng đã chuyển khoản trước đó. Tuy nhiên đến hạn trả thì vợ chồng họ không trả cho bà T bất kỳ một đồng nào.

Đến ngày 12/3/2023, vợ chồng ông H bà Đ làm lại giấy vay tiền và xin cam kết từ ngày 01/4/2023 đến ngày 30/4/2023 sẽ trả tiền lãi của số tiền vay 2,8 tỷ đồng theo lãi suất Ngân hàng, trả toàn bộ tiền gốc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày viết lại giấy vay tiền 12/3/2023.

Đến ngày cam kết trả tiền lãi (ngày 30/4/2023) và đến hạn trả nợ (ngày 12/5/2023) nhưng vợ chồng ông H bà Đ không thanh toán tiền gốc, tiền lãi cho toàn bộ số tiền 2,8 tỷ đồng như cam kết. Đến nay, bà T đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng họ trả nhưng họ không trả. Toàn bộ số tiền vay nêu trên đều được vợ chồng họ sử dụng vào mục đích đầu tư kinh doanh quán cà phê Mộc Trà và trả nợ cho người khác.

Nay, tôi yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Phùng H bà Đặng Thị Đ liên đới trả cho bà Phạm Thị T số tiền như sau:

+ Tiền gốc là 2.800.000.000 đồng + 40.000.000 đồng = 2.840.000.000 đồng.

+ Tiền lãi tính từ ngày 15/3/2023 theo lãi suất 1,67%/tháng đến ngày hòa giải hôm nay là 14,5 tháng với số tiền là 687.706.000 đồng.

=> **Tổng cộng là 3.124.000.000 (ba tỷ, một trăm hai tư triệu) đồng.**

(Đối với việc thế chấp thửa đất theo GCNQSDĐ số CX 847788, việc bà T cầm giữ bản chính GCNQSDĐ số CX 847788 để bảo đảm khoản vay và dòng chữ ghi chú trong mặt sau của Giấy vay tiền ngày 12/3/2020 với đoạn “... số tiền 2.800.000.000 đồng có của bà Trần Thị Mỹ D là 2.300.000.000 đồng; bà Phạm Thị T 500.000.000 đồng...” thì giữa bà T và bà D không có tranh chấp, không có yêu cầu gì trong vụ án này và giữa họ tự thỏa thuận, định đoạt với nhau.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết bị đơn:

-Ông Nguyễn Phùng H trình bày: Tôi và bà Đặng Thị Đ là vợ chồng hợp pháp. Việc vợ tôi là bà Đặng Thị Đ vay mượn tiền của bà Phạm Thị T là hoàn toàn do bà Đ. Khi vay của bà T thì không trao đổi và nói gì với tôi; cả việc bà Đ thế chấp tài sản là QSDĐ cho bà T cũng không nói với tôi.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi liên đới trả nợ thực tế là như tôi trình bày ở trên là tôi không biết việc bà Đ vay tiền của bà T và bà T khi cho bà Đ vay cũng không nói với tôi. Nhưng do tôi là chồng hợp pháp của bà Đ nên tôi cũng đồng ý liên đới để trả nợ cho bà T.

Nay tôi đồng ý liên đới trả nợ cho vợ tôi số tiền 2.840.000.000 đồng tiền gốc còn về lãi xin không trả nữa.

Nay tôi đồng ý liên đới trả nợ cho vợ tôi số tiền 2.840.000.000 đồng tiền gốc còn về lãi xin không trả nữa. Còn về Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 786, tờ bản đồ số 02 có diện tích 1.257,4m², đất tọa lạc tại xã Tân Thành đứng tên tôi Lê Thị A hiện nay bà Thẩm đã được Toà án triệu tập lên làm việc rồi thì

mọi yêu cầu về Giấy chứng nhận này thì bà Thẩm tự quyết định có yêu cầu hay không thì không liên quan đến vợ chồng tôi. Tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì về Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 786, tờ bản đồ số 02 có diện tích 1.257,4m², đất tọa lạc tại xã Tân Thành đứng tên tôi Lê Thị A.

Đồng bị đơn bà Đặng Thị Đ trình bày:

Tôi thừa nhận có vay của bà T nhiều lần và chót nợ là tôi vay của bà T là 2.840.000.000đồng và khi tôi vay thì tôi có thể chấp cho bà T 01 bản chính GCNQSDĐ số CX 847788, số vào sổ CS 08273, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 29/12/2020 (thay đổi pháp lý trang 3 ngày 09/7/2021 đứng tên bà Lê Thị A). Trong quá trình vay thì tôi đã trả lãi cho bà T nhiều lần. Hiện nay tôi cũng đồng ý trả nợ cho bà T số tiền 2.840.000.000đồng và về lãi xin không trả nữa.

Còn đối với bản chính Giấy CNQSDĐ số CX 847788 đứng tên bà Lê Thị A mà tôi thế chấp cho bà Thuý, hiện nay bà Thuý cũng không giữ. Giấy chứng nhận này là trước khi thế chấp cho bà Thùy thì bà Trần Thị Thẩm đưa cho tôi để nhờ tôi nộp lên Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai để bà Thẩm làm thủ tục sang tên cho bà Thẩm. Nay tôi cũng thống nhất với bà Thuý và ông Nên là không yêu cầu Toà án giải quyết về GCNQSDĐ số CX 847788 trong vụ án này. Chúng tôi tự thoả thuận với nhau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Bà Trần Thị Mỹ D trình bày:

Tôi đồng ý với nội dung khởi kiện, lời trình bày của ông Nên là đại diện của bà T. Hiện nay, tôi là người giữ bản chính GCNQSDĐ số CX 847788, số vào sổ CS 08273, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 29/12/2020 (thay đổi pháp lý trang 3 ngày 09/7/2021 đứng tên bà Lê Thị A). Nay tôi cũng thống nhất với bà Thuý, ông Nên, bà Đ và ông H là không yêu cầu Toà án giải quyết về GCNQSDĐ số CX 847788 trong vụ án này. Chúng tôi tự thoả thuận với nhau.

-Bà Lê Thị A trình bày:

Tôi là người đứng tên GCNQSDĐ số CX 847788, số vào sổ CS 08273, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 29/12/2020. Tháng 12/2021, tôi đã chuyên nhượng thửa đất theo Giấy chứng nhận này cho người khác, đã giao bản chính cho người khác và không liên quan tới thửa đất và Giấy chứng nhận này nữa. Tôi không có yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện, cũng không yêu cầu giải quyết về bản chính GCNQSDĐ số CX 847788 trong vụ án này và xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập đầy đủ chứng cứ.

- Về việc giải quyết vụ án: áp dụng quy định tại Điều 166, 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37, 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 244

Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T. Buộc bà Đặng Thị Đ và ông Nguyễn Phùng H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị T số tiền nợ gốc 2.840.000.000đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc buộc bà Đặng Thị Đ và ông Nguyễn Phùng H có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi vay.

Án phí Hội đồng xét xử tuyên theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phạm Thị Thuý khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Phùng H và bà Đặng Thị Đ trả cho số tiền 2.840.000.000đồng. Đây là tranh chấp dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Phùng H và bà Đặng Thị Đ trú tại khu phố 2, P. Tiến Thành, thành phố Đông Xoài, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đông Xoài theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Về việc vắng mặt các đương sự: Đại diện nguyên đơn ông Bùi Gia Nền, bị đơn ông Nguyễn Phùng H và bà Đặng Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ D, bà Lê Thị A có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2023 bà T yêu cầu bà Đặng Thị Đ và ông Nguyễn Phùng H liên đơn trả cho bà Thuý số tiền gốc là 2.840.000.000 đồng và tính lãi 1,67%/tháng tính từ ngày 15/3/2023 đến ngày xét xử. Tuy nhiên đến ngày 16/07/2024 bà T đã rút yêu cầu tính lãi, không yêu cầu bà Đ, ông H pH trả lãi cho bà T, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là tự nguyện, không bị ai ép buộc, phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc bà Đ và ông H pH trả tiền lãi vay cho bà T.

Về số tiền gốc theo lời trình bày của ông Bùi Gia Nền thể hiện: Ngày 23/10/2022 bà Đ vay bà T số tiền 1.000.000.000đồng. Đến ngày 07/11/2022 bà Đ, ông H lại tiếp tục vay bà T 1.300.000.000đồng, và có thể chấp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 847788, số vào sổ CS 08273, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 29/12/2020 (thay đổi pháp lý trang 3 ngày 09/7/2021 đứng tên bà Lê Thị A) cho bà Thuý để làm tin. Đến ngày 06/12/2022, bà

Đ, ông H vay bà T 43.000.000 đồng, bà T chuyển khoản vào số tài khoản 3334566666 tại ACB (đứng tên bà Đ), thời hạn vay 01 tuần, không lãi suất. Đến ngày 29/12/2022 bà Đ trả cho bà T được 3.000.000đồng. Còn nợ 40.000.000 đồng. Đến ngày 14/12/2022 vợ chồng ông H bà Đ tiếp tục vay bà T 500.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, không lãi suất. Tổng số tiền mà vợ chồng ông H bà Đ vay của bà T từ ngày 23/10/2022 đến ngày 14/12/2022 là 2.840.000.000 đồng. Nay bà Thuý yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Phùng H bà Đặng Thị Đ liên đới trả cho bà Phạm Thị T số tiền nợ gốc là 2.840.000.000 đồng và không yêu cầu ông Nguyễn Phùng H bà Đặng Thị Đ. Trong quá trình giải quyết cũng như bà Đặng Thị Đ và ông Nguyễn Phùng H đồng ý với yêu cầu của bà Phạm Thị T và đồng ý ông H, bà Đ trả cho bà T số tiền nợ gốc 2.840.000.000đồng (Hai tỷ tám trăm bốn mươi triệu đồng) và xin không pH trả tiền lãi. Thấy rằng việc ông Nguyễn Phùng H bà Đặng Thị Đ đồng ý liên đới trả cho bà Thuý số tiền số tiền nợ gốc 2.840.000.000đồng (Hai tỷ tám trăm bốn mươi triệu đồng) theo yêu cầu khởi kiện của bà Thuý là sự tự nguyện của ông H, bà Đ nên được chấp nhận.

Đối với Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 847788 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 29/12/2020 cho bà Lê Thị A cùng chồng là Mai Xuân Dũng, ngày 09/07/2021 sang trang ba thừa kế cho bà Lê Thị A. Khi bà Đ vay tiền của bà Thuý thì bà Đ đã thế chấp Giấy này cho bà Thuý để làm tin. Trong quá trình giải quyết thì bà Thuý và bà D thừa nhận do số tiền 2.840.000.000đồng bà Thuý cho bà Đ, ông H vay trong đó có 2.300.000.000đồng là bà Thuý vay của bà D nên bà Thuý đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà A cho bà D giữ. Nay bà Đ, ông H, bà Thuý, bà D, bà A, bà Thẩm là không yêu cầu Tòa án giải quyết về Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 847788 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 29/12/2020 cho bà Lê Thị A cùng chồng là Mai Xuân Dũng, ngày 09/07/2021 sang trang ba thừa kế cho bà Lê Thị A trong vụ án này, tự thoả thuận nên không xem xét giải quyết.

Đối với mặt sau hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 12/03/2023 có nội dung: “ghi chú số tiền 2.800.000.000đồng có của bà Trần Thị Mỹ D là 2.300.000.000đồng, bà Phạm Thị T 500.000.000đồng, hiện bà D và bà T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3] Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Do nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà Đ, ông H pH chịu theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với số tiền pH trả 2.840.000.000đồng là 88.800.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266,

Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 166, 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, 37, 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thuý.

Buộc bà Đặng Thị Đ và ông Nguyễn Phùng H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị T số tiền nợ gốc 2.840.000.000đồng (Hai tỷ tám trăm bốn mươi triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc buộc bà Đặng Thị Đ và ông Nguyễn Phùng H có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi vay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thị Đ và ông Nguyễn Phùng H pH nộp 88.800.000đồng (Tám mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng).

Bà Phạm Thị Thuý không pH chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Thuý số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.240.000đồng (Bốn mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005242 ngày 25/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Bình Phước;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP. Đồng Xoài;
- Chi cục THADS TP. Đồng Xoài;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Nguyễn Thị Thanh Nga